

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/DS-PT.

Ngày: 20/12/2021

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng mua bán TS”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết;
Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLPT- DS ngày 20/10/2021 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2021/QĐ-PT ngày 16/11/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953, (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Hà Ph 12, xã Tam D, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Ông Nghiêm Đức H1, sinh năm 1946, (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Bảo Đ, xã Bảo Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, (đều có đơn xin vắng mặt).

1. Ông Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1949;

2. Ông Nguyễn Khắc Th, sinh năm 1958;

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964.

4. Ông Hoàng Xuân C, sinh năm 1946;

5. Ông Lê Văn S, sinh năm 1957;

6. Ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

7. Thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ, huyện L:

Trưởng thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ: Ông Hoàng Văn L, (đã chết sau khi xét xử sơ thẩm).

Ngày 01/12/2021, UBND xã Bảo Đ bổ nhiệm ông Nguyễn Văn T là Trưởng thôn thay ông Long, (ông Tuấn có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Năm 2006, thôn Bảo Đ1 thành lập Ban xây dựng chùa gồm: Ông Nghiêm Đức H1, ông Lê Văn S, ông Nguyễn Khắc Th, ông Nguyễn Văn Đ, ông Trần Văn Đ2, ông Nguyễn Trọng H2, ông Hoàng Xuân C. Các ông có tên trên đã đến đặt vấn đề mua gạch của ông để xây chùa. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không thỏa thuận về giá, thời gian thanh toán và lãi suất chậm thanh toán. Từ ngày 13/9/2006 âm lịch đến ngày 19/9/2006 âm lịch, ông đã bàn giao được tổng số 42.600 viên gạch cho các ông trên, việc nhận gạch có các ông trong Ban xây dựng ký xác nhận, cụ thể như sau:

+ Ngày 13/9/2006 âm lịch là 5.000 viên gạch; ngày 14/9/2006 là 8.000 viên gạch; ngày 15/9/2006 là 8.000 viên gạch, ngày 17/9/2006 là 5.000 viên gạch, (đều do ông Đ2 ký nhận).

+ Ngày 13/9/2006 âm lịch 3.000 viên gạch do ông C ký nhận.

+ Ngày 17/9/2006 âm lịch, ông H2 đã nhận 8.500 viên gạch nhưng ông H2 không ký.

+ Ngày 19/9/2006 âm lịch ông H1 ký nhận 5.100 viên gạch.

Ngày 05/02/2028, ông Nguyễn Văn Đ đã thay mặt cơ sở thôn Bảo Đ1 ký xác nhận với ông về việc thôn đã mua của ông tổng số 42.600 viên gạch để xây chùa.

Nay, ông yêu cầu ông H2, ông H1, ông C, ông Đ1, ông Đ2, ông S, ông Th phải trả cho ông số tiền của 42.600 viên gạch với giá 1.200 đồng/viên và tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất cơ bản của ngân hàng là 0,75%/tháng tính từ ngày 30/9/2006 âm lịch (20/11/2006 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nghiêm Đức H1 trình bày: Năm 2006, thôn Bảo Đ1 xây dựng chùa nên đã họp nhân dân và bầu ra Ban xây dựng chùa gồm có những ai thì ông không nhớ hết. Ông C là Trưởng ban, ông và ông Đ1 làm Phó ban nhưng ông là người phụ trách quỹ, những người khác còn lại là các thành viên. Việc ai là người đứng ra giao kết hợp đồng mua gạch với ông Q thì ông không biết. Ông Q đã chuyển đến cho Ban xây dựng tổng số 42.600 viên gạch là đúng. Ông có nhận 5.100 viên gạch của ông Q do ông C đã cử ông đứng ra nhận gạch chứ ông không có trách nhiệm phải thanh toán tiền cho ông Q. Số gạch mà ông Q giao mới chỉ sử dụng được 1 phần để xây móng chùa. Sau đó thôn Bảo Đ1 đã bị UBND xã đình chỉ việc xây chùa. Phần móng chùa và phần gạch còn lại đã bị vùi lấp do thôn đã xây dựng công trình khác lên trên. Nay, ông Q khởi kiện yêu cầu ông phải trả tiền gạch cho ông Q thì ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ **Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Năm 2006, ông cùng đại diện các Chi hội và các gia đình của thôn Bảo Đ1 tổ chức họp để bàn kế hoạch xây dựng chùa của thôn. Cuộc họp còn có sự tham gia của ông (nguyên là trưởng thôn); ông H1, (Chi hội trưởng người cao tuổi); ông Đ2, (Chi hội trưởng hội nông dân); ông S, (phó thôn); ông Th, (bí thư chi); ông C. Tại cuộc họp, ông C và ông H1 có thông báo là để xây chùa thì nhân dân chỉ phải hiến đất, còn kinh phí xây dựng chùa đã có một nhà sư tài trợ. Mọi người thống nhất bầu ra Ban xây dựng. Trong đó ông C được bầu là Trưởng ban, còn ông và ông H1 được bầu là Phó ban xây dựng; một số người khác được bầu là thành viên. Ông có nhiệm vụ là điều nhân lực để hỗ trợ Trưởng ban xây dựng chùa. Sau đó Ban xây dựng có hỏi mua 42.600 viên gạch của ông Q để xây dựng chùa là có thật, ông là người ký xác nhận mua số gạch trên của ông Q, đã có ai thanh toán tiền cho ông Q chưa thì ông không biết. Ông làm việc thay mặt thôn chứ không phải làm việc cho cá nhân ông. Số gạch mua về mới xây dựng được phần móng chùa thì bị UBND xã đình chỉ xây dựng do thôn đã xây chùa trên đất nông nghiệp. Năm 2014, thôn đã xây dựng chùa ở vị trí khác bằng tiền do nhân dân đóng góp.

+ **Ông Nguyễn Trọng H2 trình bày:** Ông không là thành viên trong Ban xây dựng. Năm 2006-2007, ông Q có chuyển gạch đến cho thôn để xây chùa là đúng, nhưng tổng số gạch mà ông Q đã giao cho thôn là bao nhiêu viên thì ông không biết. Khi ông Q chuyển gạch đến cho thôn, ông C có nhờ ông nhận 01 xe gạch khoảng 3.000 viên của ông Q.

+ **Ông Hoàng Xuân C trình bày:** Năm 2006, thôn Bảo Đ1 tổ chức họp dân do ông H1 chủ trì và khởi xướng. Ông H1 nói có nhà sư (tên, tuổi, địa chỉ không

còn nhớ) sẽ tài trợ toàn bộ kinh phí để xây chùa, nhân dân không phải đóng góp tiền xây dựng mà chỉ cần hiến đất. Sau đó nhân dân bầu ra Ban xây dựng, ông được bầu làm làm Trưởng Ban; các thành viên khác gồm có ông H1, ông H2, ông Đ1 (là trưởng thôn), ông S (là phó thôn), ông Th (là bí thư chi bộ của thôn). Việc phân công nhiệm vụ của các thành viên trong ban có ghi trong sổ Nghị quyết của thôn nhưng nay thôn có còn lưu giữ sổ Nghị quyết hay không thì ông không biết. Ông được nhận nhiệm vụ là người quản lý toàn bộ công việc xây dựng. Ông H1 và ông H2 có nhiệm vụ mua bán nguyên vật liệu. Thôn đã mua của ông Q 42.600 viên gạch với giá 330 đồng/1 viên. Đang xây móng chùa thì bị UBND xã đình chỉ nên số gạch mà thôn mua của ông Q không được sử dụng; khi thôn xây chùa ở vị trí khác cũng không sử dụng gạch cũ của ông Q. Từ khi mua gạch của ông Q đến nay vẫn chưa có ai đứng ra trả tiền gạch cho ông Q. Ông H2 có tham gia nhận gạch của ông Q do ông H2 là thành viên của Ban xây dựng chứ ông không nhờ ông H2 nhận hộ 1 xe gạch của ông Q như ông H2 đã khai. Ông là người ký xác nhận với ông Q về việc thôn đã mua của ông Q tổng số 42.600 viên gạch.

+ Ông Nguyễn Khắc Th, ông Lê Văn S và ông Trần Văn Đ2 trình bày: Các ông không phải là thành viên trong Ban xây dựng chùa. Việc ông Q có chở gạch đến cho thôn xây dựng chùa là có thật. Nhưng số lượng gạch là bao nhiêu và đã có ai thanh toán tiền cho ông Q chưa thì các ông đều không biết.

+ Ông Hoàng Văn L – Trưởng thôn Bảo Đ trình bày: Ông được nhân dân Bảo Đ1 bầu làm Trưởng thôn từ tháng 02/2018. Từ khi nhận nhiệm vụ ông có nghe nhân dân nói về việc khoảng năm 2007 - 2008 thôn Bảo Đ1 có mua gạch của ông Q để xây chùa, nhưng thôn mua của ông Q bao nhiêu viên gạch và thôn phải trả ông Q bao nhiêu tiền thì ông không biết. Ông không được Trưởng thôn cũ bàn giao việc thôn còn nợ tiền gạch của ông Q. Sổ nghị quyết hàng năm của thôn cũng không thể hiện việc thôn mua gạch của ông Q để xây chùa. Ông được biết là ông H1, ông H2, ông C có ký xác nhận với Quý khi nhận gạch để xây chùa cho thôn, nhưng giữa bên mua và bên bán không thiết lập Hợp đồng mua bán gạch.

Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 429, 431, 432, 434 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Buộc nhân dân thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang do trưởng thôn Bảo Đ1 đại diện (hiện trưởng thôn là ông Hoàng Văn Long) phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc và tiền lãi, tổng là 36.686.000 đồng.

2. Về án phí DSST: Nhân dân thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Hoàng Văn Long hiện là trưởng thôn Bảo Đ1 đại diện phải chịu 1.834.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2021, Tòa án nhận được Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L có nội dung: Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm đã xử vì lý do: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q là nguyên đơn đã thay đổi người bị kiện là nhân dân thôn Bảo Đ1, Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận việc đề nghị của ông Q buộc nhân dân thôn Bảo Đ1 trả tiền gạch cho ông Q là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

Trưởng thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ là ông Hoàng Văn Long đã chết sau khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 01/12/2021, UBND xã Bảo Đ bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn là Trưởng thôn thay ông Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q không rút đơn khởi kiện. Bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thay đổi một phần kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2, Điều 308; Điều 309 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông H2, ông H1, ông C, ông Đ1, ông Đ2, ông S, ông Th mỗi người phải trả ông Q 5.240.000 đồng.

Ông Đ1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H2, ông Đ2, ông H1, ông C, ông S, ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 2006, cấp ủy thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xin ý kiến lãnh đạo của UBND xã Bảo Đ về việc tổ chức họp nhân dân thôn Bảo Đ1 để bàn về kế hoạch xây dựng chùa của thôn Bảo Đ1. Sau đó ông Nguyễn Văn Đ trưởng thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ đã tổ chức cuộc họp có sự tham gia của đại diện các hộ gia đình và đại diện của các Chi hội trong thôn. Từ đó thôn Bảo Đ1 đã bầu ra Ban xây dựng chùa.

Để xây dựng chùa, từ ngày 13/9/2006 đến ngày 19/9/2006 Ban xây dựng chùa đã tiến hành mua 4.2600 viên gạch của ông Nguyễn Văn Q. Việc mua bán gạch giữa hai bên không thỏa thuận về giá và thời hạn thanh toán. Ông Q đã nhiều lần giao gạch cho các thành viên của Ban xây dựng. Các lần nhận gạch của ông Q, các thành viên của Ban xây dựng đã ký nhận với ông Q.

Do vậy giữa ông Q với Ban xây dựng đã giao kết Hợp đồng mua bán tài sản bằng miệng theo quy định của Điều 430 BLDS.

Theo ông Q khai thì Ban xây dựng chùa có 7 người gồm: Ông Hoàng Xuân C, (Trưởng ban); ông Nguyễn Văn Đ, (Phó ban) và các thành viên là: Ông Lê Văn S, (Phó thôn); ông Nguyễn Khắc Th, (Bí thư chi bộ); ông Trần Văn Đ2, (Chi hội Trưởng chi hội Nông dân); ông Nghiêm Đức H1, (Chi hội Trưởng chi hội người cao tuổi); ông Nguyễn Trọng H2.

Ông Đ1, ông C cũng trình bày các thành viên của Ban xây dựng gồm có 7 người như ông Q đã khai.

Mặc dù hiện nay ông Th, ông S, ông Đ2, ông H2 không thừa nhận mình là thành viên của Ban xây dựng. Sở nghị quyết của thôn Bảo Đ1 không thể hiện các thành viên của Ban xây dựng là những ai?

Nhưng theo lời khai của ông Q, ông Đ1, ông C thì phải xác định ông Đ1, ông C, ông Đ2 là thành viên của Ban xây dựng.

Ông H2 cho rằng có một lần ông H2 nhận 1 xe gạch của ông Q là do ông C nhờ, nhưng việc trình bày của ông H2 không được ông C thừa nhận, nên phải xác định ông H2 cũng là thành viên của Ban xây dựng.

Như vậy, Ban xây dựng Chùa của thôn Bảo Đ1 được xác định gồm có 7 người như ông Q đã khai là: Ông Hoàng Xuân C, ông Nghiêm Đức H1, ông Nguyễn Trọng H2, ông Trần Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Khắc Th; ông Lê Văn S.

Khi xây dựng được phần móng chùa thì Ban xây dựng đã bị Chủ tịch UBND

xã Bảo Đ có Quyết định đình chỉ việc xây dựng vì lý do xây chùa trên phần đất nông nghiệp của nhân dân. Phần móng chùa và số gạch còn lại đã bị vùi đất do thôn đã xây công trình khác đè lên.

Từ đó đến nay ông Q đã yêu cầu các thành viên trong Ban xây dựng chùa của thôn trả tiền gạch cho ông Q nhưng vẫn chưa ai thanh toán tiền cho ông Q.

Theo đơn khởi kiện, ông Q đã yêu cầu bị đơn ông H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông H2, ông Th, ông Đ1, ông C, ông Đ2, ông S phải có trách nhiệm liên đới cùng ông H1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Q số tiền là 42.600 viên gạch với giá 1.200 đồng/viên là 53.250.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng tính từ ngày 30/9/2006 âm lịch (20/11/2006 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q không có yêu cầu thay đổi từ bị đơn là ông H1 sang bị đơn là nhân dân thôn Bảo Đ1. Tức là ông Q không yêu cầu thôn Bảo Đ1 thanh toán trả tiền gạch cho ông Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q đã trình bày: “Tôi yêu cầu ông Th, ông S, ông Đ2, ông H2, ông C, ông H1, ông Đ1 trả tiền cho tôi. Trường hợp các ông có tên trên đại diện cho nhân dân thôn Bảo Đ1 mua gạch thì đề nghị nhân dân thôn Bảo Đ1 phải trả tiền cho tôi”, (BL 172).

Việc ông Q trình bày như trên là không rõ ràng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không giải thích rõ cho ông Q quy định của Điều 244 của BLTTDS là: Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ có quyền thay đổi, bổ sung khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung khởi kiện không được vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã cho rằng ông Q đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Q, bản án sơ thẩm đã quyết định: “Buộc nhân dân thôn Bảo Đ1 phải trả tiền cho ông Q” là không đúng Điều 244 của BLTTDS và vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn là vi phạm thủ tục tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm còn nhận định: “Xét về trách nhiệm thanh toán thì thấy, việc giao dịch mua và nhận gạch của ông Hoàng Xuân C, ông Nghiêm Đức H1, ông Nguyễn Trọng H2, ông Trần Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Khắc Th; ông Lê Văn S được mọi người trong thôn uỷ quyền trong việc giao kết hợp đồng dân sự và trong trường hợp này mọi người trong thôn phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán phát sinh từ hợp đồng. Căn cứ hướng dẫn tại mục 26, phần IV, của Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao cần

buộc nhân dân thôn Bảo Đ1 do Trưởng thôn đại diện phải thanh toán trả tiền cho ông Q là phù hợp”.

Theo quy định tại Điều 74, Điều 101 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thôn không có tư cách pháp nhân. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 thì thôn cũng không phải là một cấp hành chính. Căn cứ Điều 10 Thông tư số 14/2016/TT-BNV ngày 3/12/2018 của Bộ nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thì Trưởng thôn cũng không có nhiệm vụ, quyền hạn được đại diện cho nhân dân trong thôn tham gia tố tụng dân sự.

Tại mục 26, phần IV, của Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao đã quy định: “Theo quy định của BLDS thì thôn không phải là đơn vị có tư cách pháp nhân, thôn không phải là đơn vị hành chính do đó Trưởng thôn không thể tự nhân danh nhân dân của thôn đó trong việc giao kết Hợp đồng dân sự cũng như tự đứng ra tham gia tố tụng dân sự với tư cách đại diện cho nhân dân của thôn đó. Tuy nhiên, nếu Trưởng thôn đó được mọi người trong thôn ủy quyền trong việc giao kết Hợp đồng dân sự và tham gia tố tụng dân sự khi có tranh chấp, thì Trưởng thôn có quyền giao kết Hợp đồng dân sự, và trong trường hợp này mọi người trong thôn phải cùng cam kết thực hiện các điều khoản của Hợp đồng cũng như cùng chịu trách nhiệm phát sinh từ Hợp đồng. Khi có tranh chấp Hợp đồng nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết, thì Trưởng thôn đại diện cho nhân dân trong thôn đó tham gia tố tụng. Trong trường hợp Trưởng thôn không được nhân dân trong thôn ủy quyền mà tự mình giao kết Hợp đồng dân sự, thì tự mình phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đó”.

Tại thời điểm xây dựng chùa, ông Đ1 làm Trưởng thôn Bảo Đ1 nhưng mọi người trong thôn cũng không ủy quyền cho ông Đ1 giao kết Hợp đồng mua gạch của ông Q. Việc Ban xây dựng giao kết Hợp đồng mua gạch của ông Q cũng không qua mọi người trong thôn, để yêu cầu mọi người trong thôn cam kết về việc thực hiện các điều khoản của Hợp đồng cũng như cùng chịu trách nhiệm phát sinh từ Hợp đồng đó.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Hoàng Văn L là Trưởng thôn Bảo Đ1, ông Long cũng không được mọi người trong thôn ủy quyền trong việc giao kết Hợp đồng mua gạch của ông Q; ông L không được mọi người dân của thôn Bảo Đ1 ủy quyền tham gia tố tụng.

Trong trường hợp, Tòa án cấp sơ thẩm đồng ý với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Q thì cũng phải đưa mọi người dân của thôn Bảo Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mới đảm bảo quyền lợi của những người dân trong thôn Bảo Đ1.

Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không đưa mọi người dân của thôn Bảo Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nhưng bản án sơ thẩm lại buộc nhân dân thôn Bảo Đ1, xã Bảo Đ phải trả cho ông Q tiền gạch là không đảm bảo quyền lợi của những người dân trong thôn Bảo Đ1.

Hơn nữa, theo quy định của khoản 3, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ thanh toán tiền của bên mua tài sản cho bên bán tài sản và cũng theo hướng dẫn của Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao như đã viện dẫn ở trên thì các thành viên trong Ban xây dựng đã mua gạch của ông Q để xây chùa, nhưng không được nhân dân trong thôn ủy quyền mà tự mình giao kết Hợp đồng dân sự thì phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đó.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q đã khai: “Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi khởi kiện đến tại phiên tòa sơ thẩm thì tôi vẫn đề nghị những người trong Ban xây dựng phải trả tiền gạch cho tôi. Nay, tôi vẫn đề nghị các ông gồm: Ông Hoàng Xuân C, ông Nghiêm Đức H1, ông Nguyễn Trọng H2, ông Trần Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Khắc Th; ông Lê Văn S phải có trách nhiệm trả cho ông Q tiền gạch và tiền lãi”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo sự phân tích đã nêu ở trên, thì không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, cần chấp nhận ý kiến của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm: Buộc Ông Hoàng Xuân C, ông Nghiêm Đức H1, ông Nguyễn Trọng H2, ông Trần Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Khắc Th; ông Lê Văn S phải có trách nhiệm trả cho ông Q toàn bộ số tiền gạch và tiền lãi với tổng số tiền là 36.686.000 đồng.

Mỗi ông có tên nêu trên sẽ phải trả cho ông Q số tiền là:

$36.686.000 \text{ đồng} : 7 = 5.240.857 \text{ đồng}.$

+ Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm về những nội dung sau:

- Bản án sơ thẩm đã tuyên: “Buộc nhân dân thôn Bảo Đ1 do trưởng thôn Bảo Đ1 đại diện (hiện trưởng thôn là ông L) phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Q số tiền nợ gốc và tiền lãi, tổng là 36.686.000đ; buộc nhân dân thôn Bảo Đ1 do ông Long đại diện phải chịu 1.834.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm”. Nhưng bản án

không nêu rõ nhân dân thôn Bảo Đ1 là những ai ? Việc tuyên án như trên là sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án sau này.

- Việc áp dụng các quy định của BLDS năm 2005 để giải quyết vụ án là không chính xác:

Do các bên tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản, các quy định về giao dịch dân sự (Hợp đồng mua bán tài sản) của BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 là không có gì khác biệt về nội dung và hình thức.

Theo quy định của điểm b, khoản 1, Điều 688 BLDS năm 2015 thì giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng các quy định của Bộ luật này.

Như vậy, cần áp dụng các quy định của BLDS năm 2015 để giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông C, ông H1, ông H2, ông Đ2, ông Th; ông S đã trên 60 tuổi, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên nên được miễn án phí DSST. Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền án phí DSST là 300.000 đồng.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS chấp nhận việc thay đổi một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 3, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

+ Buộc Ông Hoàng Xuân C, ông Nghiêm Đức H1, ông Nguyễn Trọng H2, ông Trần Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Khắc Th; ông Lê Văn S phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Q toàn bộ số tiền gạch và tiền lãi với tổng số tiền là 36.686.000 đồng.

Mỗi người có tên nêu trên sẽ phải trả cho ông Q số tiền là: 5.240.857 đồng (năm triệu hai trăm bốn mươi ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng chẵn).

+ Về án phí DSST:

Miễn án phí DSST cho ông C, ông H1, ông H2, ông Đ2, ông Th; ông S.
Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng phí DSST.
+ Về án phí DSPT: Các đương sự không phải nộp tiền án phí dân sự phúc
thẩm.
Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

